TRIỆU TỔ NGŨ PHƯƠNG

ĐỜI 1	ĐỜI 2	ĐỜI 3	ĐỜI 4	ĐỜI 5	ĐỜI 6	ĐỜI 7	ĐỜI 8	ĐỜI 9	ĐỜI 10	ĐỜI 11	ĐỜI 12	ĐỜI 13	ĐỜI 14	ĐỜI 15	ĐỜI 16	ĐỜI 17	ĐỜI 18	ĐỜI 19	ĐỜI 20

- THUỶ TỔ HUYỀN NHAI ①
  - HUYỀN LAM ②
  - HUYỀN MẶC ②
    - NGÔ PHƯƠNG ③
      - XUÂN HOÀ ⑦
        - TUẤN NGHĨA ⑧
          - TUẤN PHƯƠNG ⑨ — Hiệu sinh
            - TUẤN MẬU ⑩ — Hiệu sinh; Chi trường
            - TUẤN LỆ ⑩ — Hiệu sinh
          - TUẤN HUÂN ⑨ — Hiệu sinh
            - XUÂN THÀNH ⑩ — Sắc từ thọ dân
          - TUẤN MỸ ⑨ — Chiêu tổ Chi Phan Sĩ
            - SĨ YẾN ⑩
          - XUÂN DẬT ⑨
          - XUÂN LỘC ⑨
            - XUÂN NGẠN ⑩
        - XUÂN HUY ⑧
          - XUÂN HUYÊN ⑨
            - XUÂN BÍCH ⑩
        - XUÂN CHỈNH ⑧
        - XUÂN CHIÊM ⑧
        - XUÂN NGUYÊN ⑧
          - XUÂN ĐĂNG ⑨
            - XUÂN CHÂU ⑩
            - XUÂN TRẦN ⑩
            - XUÂN TÙY ⑩
            - XUÂN CẨN ⑩
          - XUÂN LẬP ⑨
            - XUÂN CÔNG ⑩
            - XUÂN CHÍNH ⑩
            - XUÂN ĐOÀN ⑩
            - XUÂN THỨC ⑩
              - XUÂN NGÂN ⑪ — XUÂN PHỔ ⑫
                - XUÂN KIỂM ⑬ — X. TOÀN ⑭
                - X. THẮNG ⑮ — X. THẾ ⑯
                - X. LỢI ⑮ — X. NAM ⑯; X. ĐẠT ⑯
                - X. DÂN ⑮ — X. DẪN ⑯; X. PHÁT ⑯
                - X. QUÂN ⑮ — X. KHANH ⑯
                - X. TRỰC ⑮ — X. VỸ ⑯; X. VŨ ⑯; X. UY ⑯
                - XUÂN ĐIỂM ⑬
                - X. LIÊM ⑭
                - X. LƯƠNG ⑮ — X. HIẾU ⑯
                - X. TÂM ⑮ — X. ĐỨC ⑯; X. KHÁNH ⑯
                - X. THÀNH ⑮ — X. TRUNG ⑯
                - X. KHIÊM ⑭
                - X. HẢI ⑮ — X. THÔNG ⑯
                - X. HOÀNH ⑮ — X. MINH ⑯; X. ANH ⑯
                - X. HẦU ⑭ — X. LỘC ⑮
                - X. TÀI ⑯; X. PHÚC ⑯; X. DŨNG ⑯; X. SỸ ⑯
                - XUÂN NHIÊN ⑬
                - X. THUẬN ⑭ — X. VƯỢNG ⑮; X. PHÚC ⑮
                - X. LỰC ⑭ — X. MẠNH ⑮
                - X. LƯỢNG ⑭ — X. PHONG ⑮
              - XUÂN CẨM ⑪
              - XUÂN QUYỀN ⑪ — XUÂN HIẾNG ⑫ — XUÂN THANH ⑬ — X. THIẾP ⑭ — X. TUẤN ⑮ — X. TÀI ⑯
                - X. TÚ ⑰; X. QUẢN ⑰; X. KHỞI ⑰
            - XUÂN TỰ ⑩
        - XUÂN NGUYÊN ⑧
      - VĂN NAO ⑦
        - XUÂN DỤC ⑧ — Hiệu sinh
    - CHÍNH PHÚC ③ — HUỆ PHÚC ④ — THIỆN AN ⑤
      - HUỆ CHÍNH ⑥
      - TRUNG TRỰC ⑥ — Chiêu tổ chi PHAN ĐĂNG
        - ĐĂNG VỸ ⑦
          - ĐĂNG LƯỢNG ⑧
            - ĐĂNG QUÝ ⑨ — Huyện thừa
              - ĐĂNG ĐỊNH ⑩
              - ĐĂNG ĐỆ ⑩ — Kiệt tiết trung nghĩa tướng quân võ kỵ, uỷ Thanh Quang Hầu
              - ĐĂNG THỊNH ⑩
          - ĐĂNG VỊNH ⑧
            - ĐĂNG TÂN ⑨
              - ĐĂNG DIỆN ⑩ — Chỉ huy sứ
          - ĐĂNG THỤY ⑧
            - ĐĂNG TRẦN ⑨
              - ĐĂNG ĐÌNH ⑩
            - ĐĂNG CHÂU ⑨
              - ĐĂNG DIÊN ⑩

Presented with xmind